

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **124/2021/DS-ST**

Ngày: 31/12/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui và đòi
lại tài sản (đòi lại giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất)”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Trần Văn Nhu**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày **30** và **31** tháng **12** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2021/TLST-DS ngày 18/5/2021 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hui và đòi lại tài sản (đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐST-DS ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Trương Thanh V**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Thanh S, xã Thanh H, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Bà **Diệp Thị Kim N**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp An H, xã Đông Hòa H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: số 461A, tổ 23, khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, Tiền Giang.
(Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2021)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Diệp Minh Q**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 78 Thái Thị K, khu phố 2, Phường 1, TX.Cai Lậy, Tiền Giang.

2/ Bà **Diệp Thị Kim N**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp An H, xã Đông Hòa H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1958.

4/ Anh **Diệp Quang H**, sinh năm 1982.

5/ Chị **Diệp Thị Mẫn V**, sinh năm 1998.

6/ Anh **Diệp Quang T**, sinh năm 2003.

7/ Cháu **Diệp Thiên K**, sinh ngày 29/6/2015.

Đại diện theo pháp luật cháu **Diệp Thiên K** là anh **Diệp Quang H**.

8/ Cháu **Nguyễn Diệp Minh N**, sinh ngày 24/7/2016.

Đại diện theo pháp luật cháu **Minh N** là chị **Diệp Thị Mẫn V**.

Cùng địa chỉ: số 78 Thái Thị K, khu phố 2, Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Ông V, ông N có mặt; bà N, ông Qu, bà C, anh H, chị V, anh T xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 06/5/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Thanh V trình bày: Ông V có tham gia 02 dây hui do bà N làm đầu thảo cụ thể như sau:

Dây thứ 01: Hui 30.000.000 đồng khai ngày 10/6/2019 âm lịch, hui tháng gồm 15 phần, ông V tham gia 01 phần, hui mãn vào ngày 10/7/2020, ông V hốt hui chót với số tiền 14 phần x 30.000.000 đồng = 420.000.000 đồng, trừ hoa hồng đầu thảo 11.000.000 đồng nhưng bà N chưa giao hui.

Dây thứ 02: Hui 30.000.000 đồng khai ngày 21/01/2020 âm lịch, hui tháng gồm 15 phần, ông V tham gia 01 phần đã đóng hui sống được 06 kỳ thì ngưng do bề hui, tổng cộng 06 kỳ đã đóng được 141.500.000 đồng nhưng bà N chưa trả.

Ngày 17/8/2020 bà N làm giấy biên nhận với số nợ hui của ông V tổng cộng 561.500.000 đồng và bà N cam kết hứa đến tháng 9/2020 sẽ trả hết cho ông V, bà N có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông **Diệp Minh Q** đại diện hộ gia đình đứng tên để thế chấp làm tin, nhưng cho đến nay bà N chưa trả được số tiền nào.

Do đó, nay ông V yêu cầu bà N và ông Q liên đới trả số tiền hui 561.500.000 đồng trừ hoa hồng đầu thảo 11.000.000 đồng, còn lại 550.500.000 đồng, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi trả xong ông V đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q giấy đất số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông **Diệp Minh Q** đại diện hộ gia đình đứng tên.

* Tại bản tự khai ngày 08/11/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Bùi Quang N** đại diện ủy quyền bị đơn bà **Diệp Thị Kim N** trình bày:

Bà N thừa nhận còn nợ 02 dây hụi chưa giao cho ông Vũ số tiền 561.500.000 đồng chưa trả, việc làm đầu thảo hụi do bà N làm ông Q là anh ruột của bà N không có tham gia làm đầu thảo hụi với bà Ngân, do không có tiền trả cho ông V nên bà N đã lên lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Diệp Minh Q giấy chứng nhận AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên để đưa cho ông V.

Nay bà N đồng ý trả cho ông V số tiền hụi 550.500.000 đồng theo yêu cầu của ông V, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng không có khả năng trả 01 lần do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn. Bà N yêu cầu ông V trả lại cho ông Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên.

* Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 15/11/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Minh Q trình bày:

Ông Q là anh ruột của bà Diệp Thị Kim N, ông Q có gởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên cho mẹ ông ở xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, Tiền Giang. Khi bà N về nhà mẹ ruột đã tự lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quang đưa cho ông V, đến khi Tòa án gởi thông báo thụ lý vụ án thì ông Q mới biết.

Việc bà N làm đầu thảo hụi thì ông Q không biết, ông Q không có làm đầu thảo hụi với bà N, từ trước đến nay ông Q không biết ông Vũ không có nợ nần gì ông V và không có ký tên trong các biên nhận nợ, nên ông V kiện ông Q cùng liên đới với bà N trả số tiền 550.500.000 đồng là không có căn cứ.

Nay ông Q không đồng ý cùng liên đới với bà N trả số tiền nợ hụi cho ông V 550.500.000 đồng, ông Q có yêu cầu độc lập buộc ông V có nghĩa vụ giao trả lại bản chính giấy chứng nhận AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, anh Diệp Quang H, chị Diệp Thị Mẫn V, anh Diệp Quang T trình bày:

Bà Nguyễn Thị C, anh Diệp Quang H, chị Diệp Thị Mẫn V, anh Diệp Quang T là thành viên trong hộ gia đình của ông Diệp Minh Q, các thành viên trong hộ có thửa đất số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân

Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên, nhưng bà N là em ruột ông Q đã tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đưa cho ông Trương Thanh V giữ để đảm bảo số nợ của bà N mà các thành viên trong hộ không hay biết, đến khi Tòa án có thông báo đến các thành viên trong hộ thì mới biết sự việc này, các thành viên trong hộ và ông Q từ trước tới nay không có nợ nần hay thế chấp giấy đất gì cho ông V, việc ông V tự ý cất giữ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thành viên trong hộ không trả lại là không đúng pháp luật.

Do đó, nay các thành viên trong hộ thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Diệp Minh Q về việc yêu cầu ông V có trách nhiệm hoàn trả lại bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên.

* Tại tờ tự khai ngày 16/12/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị Kim N trình bày:

Do bà N có nợ tiền hui của ông V không có tiền trả, nên bà N tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 086913 bản chính của ông Quang thửa đất số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên để đưa cho ông V giữ, khi lấy giấy đất thì ông Q và các thành viên trong hộ không biết, đất này là của ông Q và các thành viên trong hộ chứ bà Ngân không phải là thành viên trong hộ ông Q.

Do đó, nay ông Q có yêu cầu phản tố yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N cũng thống nhất không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông V về việc tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng quy định; còn đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Diệp Minh Q yêu cầu ông V trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên thì Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập này là không đúng quy định pháp luật. Bởi vì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đây không phải là giấy tờ có giá nên ông Q không thể kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, do Tòa án thụ lý sai yêu cầu độc lập của ông Q nên đã đưa những người tham gia tố tụng tiến hành hòa giải kiểm tra công khai chứng cứ không đúng quy định. Do những sai phạm về thủ tục tố tụng nên Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ yêu cầu độc lập của ông Q không đúng và xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng, do vi phạm về tố tụng nên Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông V kiện yêu cầu bà N và ông Q liên đới trả số tiền nợ hui 550.500.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu ông V trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 086913 thửa đất số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Q đại diện hộ gia đình đứng tên, nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng góp hui và đòi lại tài sản (đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)”, bị đơn bà N địa chỉ tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diệp Minh Q, bà Diệp Thị Kim N, bà Nguyễn Thị C, anh Diệp Quang H, chị Diệp Thị Mẫn V và anh Diệp Quang T có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà N, bà C, anh H, chị V, anh T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét, theo lời khai ông V và ông N đại diện ủy quyền bà N trình bày thống nhất việc ông V có tham gia 02 dây hui do bà N làm đầu thảo hui và bà N còn nợ số tiền hui 561.500.000 đồng trừ thảo 11.000.000 đồng còn nợ 550.500.000 đồng chưa trả, bà N cũng đồng ý trả cho ông V số tiền này, nên lời thừa nhận nợ của bà N đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông V kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ hui 550.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường.

[4] Ngoài ra, ông V yêu cầu ông Q có trách nhiệm liên đới cùng với bà N trả số tiền hui 550.500.000 đồng. Xét, ông Q là anh ruột bà Ngân không tham gia làm đầu thảo hui cùng với bà N, ông Q không biết việc bà N và ông V tham gia chơi hui. Đồng thời, căn cứ vào các giấy nợ hui ngày 10/7/2020 đối với số tiền nợ hui 420.000.000 đồng, ngày 28/6/2020 đối với số tiền nợ hui 141.500.000 đồng và biên nhận nợ tiền hui ngày 17/8/2020 do ông V cung cấp thì ông Q không có ký tên và trong nội dung biên nhận không có câu chữ nào ghi ông Q làm đầu thảo hui chung với bà N và tại tòa sơ thẩm ông V cũng thừa nhận ông Q không có làm đầu thảo hui chung với bà N, ông Q không lần nào thu tiền hui của ông V và từ trước đến nay ông Q không có nợ tiền nào khác của ông V. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc ông Q có làm đầu thảo hui chung với bà N, nên ông V yêu cầu ông Q liên đới trả số nợ hui 550.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Q là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, do ông Q có gởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhà mẹ ruột tại xã Tân Phong, huyện Cai Lậy khi bà Ngân về nhà chơi đã lấy bản chính giấy chứng nhận số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên để đưa cho ông Vũ giữ để làm tin đảm bảo cho số nợ của bà N, ông V không đồng ý trả lại giấy đất bản chính cho ông Q. Xét, ông Q không có nợ ông V và giữa ông V với ông Q không có làm hợp đồng thế chấp phần đất theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 105 Bộ luật dân sự thì *“Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”* và Điều 166 Bộ luật dân sự quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thế có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*. Việc ông V giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q là không đúng quy định pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Q là có cơ sở nên buộc ông V phải có trách nhiệm trả lại cho ông Q bản chính giấy chứng nhận số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên.

[6] Nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận về thời gian trả số tiền nợ hui. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ hui trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[7] Xét, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Quang về việc yêu cầu ông Vũ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là giấy tờ có giá, nên Tòa án đã thụ lý không đúng yêu cầu độc lập dẫn đến xác định không đúng quan hệ tranh chấp và đưa những người tham gia tố tụng không đúng trong quá trình hòa giải và kiểm tra công khai chứng cứ là vi phạm thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử qua thảo luận nghị án xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật nhận thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật dân sự quy định *“Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ quyền về dân sự của cá nhân, pháp nhân; Trường hợp quyền dân sự bị xâm phạm hoặc có tranh chấp thì việc bảo vệ quyền được thực hiện theo pháp luật tố tụng tại Tòa án hoặc trọng tài; Việc bảo vệ quyền dân sự theo thủ tục hành chính được thực hiện trong trường hợp luật quy định, quyết định giải quyết vụ việc theo thủ tục hành chính có thể xem xét tại Tòa án”* và khoản 2 Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng”*.

Đồng thời, căn cứ vào phần 2 mục 4 tại Công văn số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử đối với trường hợp đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tòa án có thụ lý giải quyết hay không thì theo quy định tại Khoản 8 Điều 6 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định: “Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác”. Luật các công cụ chuyển nhượng năm 2005 quy định giấy tờ có giá là: Hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc.

Khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”. Mục 1 Phần I Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự hướng dẫn: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính; nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính”. Theo đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính, không phải là “bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ” cho nên không phải là giấy tờ có giá. Do vậy, hướng dẫn tại Công văn số 141/TANDTC-KHXX xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là giấy tờ có giá vẫn phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 và các pháp luật khác đang có hiệu lực.

Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”

Như vậy, nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất thì Tòa án nhân dân sẽ thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, thì do vụ án tranh chấp ông V kiện bà N và ông Q liên đới trả số tiền nợ hui 550.500.000 đồng và ông V có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Q, nên giữa việc tranh chấp nợ hui và giữ giấy đất của ông V có liên quan đến nhau, nên Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Q là hoàn đúng theo quy định pháp luật và xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định. Sau khi thụ lý yêu cầu độc lập Tòa án đã đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng tiến hành hòa giải, kiểm tra công khai chứng cứ là hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có vi phạm tố tụng như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát trình bày. Do đó,

Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về việc tạm ngừng phiên tòa.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện ông V được chấp nhận một phần, yêu cầu độc lập của ông Q được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên V, bà N phải chịu án phí như sau:

+ Số tiền án phí ông Trương Thanh V phải chịu 300.000 đồng do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và 300.000 đồng do yêu cầu độc lập của ông Q được chấp nhận, tổng cộng ông V phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Số tiền án phí bà Diệp Thị Kim N phải chịu 26.020.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6, Điều 105, 115, 166, Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 3 Luật đất đai; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V về việc yêu cầu ông Diệp Minh Q có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Diệp Thị Kim N trả cho ông Trương Thanh V số tiền nợ hui 550.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V.

Buộc bà Diệp Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Thanh V số tiền hui 550.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Diệp Minh Q.

Buộc ông Trương Thanh V trả lại cho ông Diệp Minh Q bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 086913 thửa số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 3.745m² tọa lạc tại ấp Tân An, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 29/6/2009 cho ông Diệp Minh Q đại diện hộ gia đình đứng tên.

4. Về án phí: Bà Diệp Thị Kim N phải chịu 26.020.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Thanh V phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000702 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn trả lại cho ông V 13.400.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Diệp Minh Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000918 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Thanh V, bà Diệp Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Diệp Minh Q, bà Diệp Thị Kim N, bà Nguyễn Thị C, anh Diệp Quang H, chị Diệp Thị Mẫn V, anh Diệp Quang T, đại diện theo pháp luật cháu Diệp Thiên K và cháu Nguyễn Diệp Minh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 phút ngày 31/12/2021 có mặt ông V, ông N; vắng mặt bà N, ông Q, bà C, anh H, chị V, anh T.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe